

MỤC ĐÍCH CỦA HÌNH PHẠT NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN XÃ HỘI

VÕ KHÁNH LINH*

Tóm tắt: Hình phạt có chức năng và vai trò quan trọng trong phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm. Để đánh giá hiệu quả của hệ thống hình phạt, cần phân tích và định hình rõ ràng mục đích và cơ chế tác động của chế tài này trên phương diện lý luận. Với cách tiếp cận từ khía cạnh xã hội, nghiên cứu này phân tích cơ chế tác động vào xã hội của hình phạt để kiểm soát tội phạm, đồng thời phân tích cơ chế điều chỉnh ý thức của chế tài này đối với người bị kết án.

Từ khóa: Mục đích của hình phạt; người bị kết án; xã hội học hình phạt

Ngày nhận bài: 11/12/2024; **Biên tập xong:** 22/4/2025; **Duyệt đăng:** 23/6/2025

PURPOSE OF PUNISHMENT FROM SOCIAL PERSPECTIVE

Abstract: Punishment has an important function and role in preventing and fighting crime. To evaluate the effectiveness of the penal system, it is necessary to analyze and clearly define the purpose and impact of punishment from a theoretical perspective. With a social approach, this study analyzes the impact mechanism of punishment on society to control crime and, at the same time, analyzes the mechanism of adjusting this sanction's consciousness for convicted people.

Keywords: Purpose of punishment; convicted people; sociology of punishment

Received: Dec 11th, 2024; **Editing completed:** Apr 22nd, 2025; **Accepted for publication:** Jun 23rd, 2025

Đặt vấn đề

Xét về mặt ngôn ngữ, mục đích được hiểu là “dự kiến trong ý thức con người về kết quả nhằm đạt được bằng hoạt động của mình. Với tính cách là động cơ trực tiếp, mục đích hướng dẫn và điều chỉnh mọi hành động”¹. Mục đích của hình phạt là khái niệm nhập môn trong lĩnh vực hình sự, được thống nhất tương đối cao là “kết quả thực tế cuối cùng mà Nhà nước mong muốn đạt được khi quy định hình phạt đối với tội phạm và áp dụng hình phạt đối với cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội”². Bộ luật Hình sự (BLHS) hiện hành quy định mục đích của hình phạt là “không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng

ngừa và đấu tranh chống tội phạm”³. Yếu tố trừng trị có được xem như là một mục đích của hình phạt không thuộc phạm vi được đề cập trong nghiên cứu này, mà bài viết tiếp cận hình phạt với tư cách là một hiện tượng pháp lý – xã hội và việc đạt được mục đích được thực hiện qua cơ chế điều chỉnh xã hội như thế nào.

Mục đích của hình phạt nhìn từ phương diện xã hội nhấn mạnh những kỳ vọng về kết quả tích cực hiện diện trong đời sống xã hội thông qua quá trình xây dựng, áp dụng, thi hành hình phạt⁴. Như vậy, cần thiết làm sáng tỏ trạng thái xã hội khi chịu sự tác động của hình phạt, do đó có 02 vấn đề đặt được ra: (i) Hình phạt được sử dụng như thế nào trong các phương tiện, cách thức để

¹ Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển bách khoa Việt Nam – tập 4*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr. 964.

² Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, tr. 349.

* Email: Linhvk@thanglong.edu.vn

Tiến sĩ, Trưởng Bộ môn Luật Kinh tế, Trường Đại học Thăng Long

³ Điều 31 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

⁴ Võ Khánh Linh (2017), *Xã hội học hình phạt: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr. 31, 32.

kiểm soát xã hội đối với tội phạm; (ii) Hình phạt tác động như thế nào vào ý thức của người bị kết án.

1. Mục đích của hình phạt nhìn từ phương diện kiểm soát xã hội đối với tội phạm

Kiểm soát xã hội đối với tội phạm là một khái niệm được nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khoa học, trong đó có tội phạm học, xã hội học. Kiểm soát xã hội được định nghĩa là *“hệ thống các cách thức, biện pháp thuyết phục, cấm đoán và trừng phạt; đồng thời sự kiểm soát xã hội cũng là hệ thống công nhận, nêu gương và khen thưởng nhờ đó mà hành động của cá nhân được hướng dẫn trở nên phù hợp với những hình mẫu xử sự chung”*⁵ hoặc với cách hiểu khác là *“hệ thống tổng thể các công cụ, các tổ chức và các quá trình mà nhờ vào hệ thống này có thể bảo đảm sự phù hợp chuẩn mực hành vi của con người”*⁶. Khi đề cập đến kiểm soát xã hội đối với tội phạm, tác giả Trịnh Tiến Việt đưa ra khái niệm theo nghĩa rộng là *“biện pháp làm giảm bớt tội phạm bởi Nhà nước (mà đại diện là các cơ quan chuyên trách kiểm soát tội phạm) bằng biện pháp, cơ chế pháp lý do luật định, cũng như của các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội bằng các giá trị, chuẩn mực, cam kết, định mức niềm tin trong các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội đó”* và khái niệm theo nghĩa hẹp là *“biện pháp làm giảm bớt tội phạm thông qua các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội và bằng những giá trị, chuẩn mực, cam kết, định mức, niềm tin trong các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội đó”*⁷. Như vậy, để kiểm soát xã hội đối với tội phạm, cần huy động đa dạng các biện pháp thuộc các lĩnh vực chính sách, quản trị, pháp lý khác nhau để kiểm soát tội phạm.

Hình phạt với tư cách là một chế tài nghiêm khắc của Nhà nước, mang trong

mình thuộc tính cấm đoán, trừng phạt và thuyết phục là một trong những biện pháp được sử dụng để kiểm soát xã hội đối với tội phạm. Vì vậy, *mục đích của hình phạt phải hướng tới góp phần kiểm soát tội phạm*. Việc sử dụng từ *“góp phần”* trong kết luận này để khẳng định rằng, mặc dù hình phạt nói riêng và luật hình sự nói chung là biện pháp, chính sách mũi nhọn để kiểm soát tội phạm nhưng đó không phải là biện pháp duy nhất. Nghiên cứu này tách biệt hình phạt ra khỏi hệ thống các biện pháp đó và phân tích cơ chế tác động của hình phạt vào xã hội như thế nào để kiểm soát tội phạm.

Từ phương diện kiểm soát tội phạm, mục đích của hình phạt đặt ra bao gồm mục đích gần và mục đích dài hạn:

Mục đích gần là kịp thời xử lý tội phạm. Mục đích này có tính hướng đích, tác động trực tiếp đến người phạm tội và thể hiện rõ ở quá trình quyết định hình phạt và thi hành án. Mục đích này được thể hiện rõ trong nguyên tắc xử lý hình sự là mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật⁸. Khi có một sự kiện phạm tội, lúc này phải thừa nhận rằng các biện pháp phòng ngừa tội phạm đã thất bại đối với người đó, do đó cần thiết phải sử dụng chế tài nghiêm khắc nhất của Nhà nước với tư cách một biện pháp để bảo đảm và thực thi công lý, và điều này được thừa nhận là một chức năng xã hội của hình phạt⁹. Việc áp dụng hình phạt thông qua một bản án đúng người, đúng tội không chỉ có giá trị răn đe, thuyết phục việc giáo dục, cải tạo của người phạm tội mà còn nhằm thiết lập công bằng xã hội¹⁰. Như vậy, *kết quả của mục đích gần của hình phạt là chống/ xử lý tội phạm khi đã xảy ra*.

⁵ Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Nhập môn Xã hội học pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 195.

⁶ Lê Thị Sơn, “Về khái niệm kiểm soát xã hội và kiểm soát tội phạm”, *Tạp chí Luật học*, số 8/2012, tr. 46.

⁷ Trịnh Tiến Việt, “Chủ thể, phương thức và phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học*, tập 30, số 1/2014, tr. 34-35.

⁸ Điều a khoản 1 và điều a khoản 2 Điều 3 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

⁹ Võ Khánh Linh, “Chức năng xã hội của hình phạt”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 11 (296)/2016, tr. 08-13.

¹⁰ Nguyễn Mạnh Kháng, “Quan điểm tiếp cận hiệu quả của hình phạt”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 8/2002.

Mục đích dài hạn của hình phạt là góp phần làm giảm tình hình tội phạm (giảm thiểu tội phạm trong xã hội). Làm giảm tình hình tội phạm được hiểu là hạn chế, ngăn chặn, giảm bớt tình hình tội phạm tới một mức độ cụ thể được đánh giá là ổn định. Tình hình tội phạm được coi là ổn định khi kiểm soát xã hội đối với tội phạm có hiệu quả, đó là lúc: (i) Năm bắt đầy đủ thông tin chính xác về tình hình thực tế của tội phạm trong xã hội không xảy ra các biểu hiện bất thường; (ii) Năm bắt và đánh giá cơ bản tương đối sát, chính xác tội phạm ẩn để có chiến lược phòng ngừa hiệu quả; (iii) Hoạt động có hiệu quả của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong đấu tranh với tội phạm¹¹.

Vậy câu hỏi đặt ra là hình phạt đóng góp như thế nào để kiểm soát tình hình tội phạm? Khi bàn đến chiến lược phòng ngừa tội phạm với tư cách là một phương thức kiểm soát tội phạm, tác giả Phạm Văn Tình đưa ra quan điểm là cần xây dựng các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra đối với “...điều kiện tồn tại của hành vi phạm tội tiềm tàng, người phạm tội tiềm tàng và nạn nhân tiềm tàng của tội phạm nhằm tiêu diệt quá trình chuẩn bị và thực hiện tội phạm”¹². Như vậy, xuất phát từ chức năng của mình, hình phạt phải có tác dụng không cho tội phạm mới xảy ra để đạt được mục đích dài hạn. Trong trường hợp đối với người bị kết án, tính chất bất lợi của hình phạt khiến họ không có đủ điều kiện để thực hiện hành vi phạm tội khác, cũng như tâm lý không muốn phải gánh chịu chế tài này một lần nữa sẽ định hình cho xu hướng hành vi không tái phạm tội¹³. Thậm chí hình phạt cũng phát huy tác dụng một cách gián tiếp

hoặc một phần khi được miễn chấp hành có điều kiện (án treo)¹⁴ hoặc thông qua các biện pháp tha, miễn khác. Khi chứng kiến những bất lợi của chế tài này mang lại cho người bị kết án, các thành viên còn lại trong xã hội sẽ được củng cố hơn ý thức pháp luật và chuẩn mực hành vi của mình. Như vậy, kết quả mà mục đích dài hạn của hình phạt hướng tới là *người bị kết án không tái phạm tội và không có thêm tội phạm mới/hoặc ít tội phạm mới trong xã hội thông qua “sức nặng” của hình phạt*.

2. Mục đích của hình phạt nhìn từ sự tác động tới ý thức của người bị kết án

Hình phạt thực chất là tổng thể các biện pháp giáo dục, cải tạo được áp dụng một cách chính thức, hợp pháp của Nhà nước, dù những tác động của nó là bất lợi đối với người bị kết án. Để đạt được điều đó, đòi hỏi người chấp hành án phải tự hình thành thái độ ăn năn, hối cải, từ đó thúc đẩy tự giáo dục, tự cải tạo. Tự giáo dục, cải tạo là một trong những kết quả của một cơ chế tâm lý – xã hội phức tạp, đó là *tự ý thức*. Theo nghiên cứu về tâm lý học, tự ý thức là mức độ phát triển cao của ý thức. Xem xét vào phương diện đặc điểm và cấu trúc, có thể thấy “*tự ý thức là ý thức về mình, có nghĩa là khi bản thân trở thành đối tượng “mở xẻ”, phân tích, lý giải... thì lúc đó, con người đang tự ý thức*”¹⁵. Các hình thức biểu hiện chính của tự ý thức bao gồm: (i) Nhận thức – thể

¹¹ Trịnh Tiến Việt, *Lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và ứng dụng ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016, tr. 162-163.

¹² Phạm Văn Tình, “Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 3/2014, tr. 80.

¹³ Lập luận này loại bỏ trường hợp hành vi phạm tội được thực hiện một cách che giấu có chủ đích.

¹⁴ Trong một nghiên cứu mới đây, một số tác giả cho rằng mặc dù án treo không phải là hình phạt nhưng bản chất của nó hàm chứa những mục đích nhân văn của hình phạt, đó là khuyến khích người bị kết án trở thành người lương thiện thông qua sự giúp đỡ của xã hội, từ đó coi trọng ý thức tu dưỡng, rèn luyện của người bị kết án. Nghiên cứu này đề nghị BLHS cần phân loại hình phạt ở ba tiêu chí, đó là cho phép tự do, hạn chế tự do, tước tự do. Án treo được hiểu là phi hình phạt tù, mang tính cho phép tự do với cách phân loại trên. Xem: Trương Ngọc Kiện, Hoàng Thị Hoa, Trương Thị Thu Hằng, “Một số vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thi hành án treo”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học xã hội và Nhân văn*, tập 132, số 6C/2023, tr. 5-8.

¹⁵ Nguyễn Quang Uẩn, *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007, tr. 80.

hiện qua việc tự nhận thức, phân tích về bản thân; (ii) Cảm xúc – thái độ cảm xúc của con người đối với bản thân, thể hiện qua việc tự đánh giá; (iii) Ý chí – những biểu hiện tâm lý tích cực, gồm cả điều chỉnh có ý thức các hành vi, hành động của bản thân¹⁶. Tự ý thức sẽ dẫn tới khả năng tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân. Dưới sự tác động của pháp luật, tự ý thức hướng đến việc con người điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với các chuẩn mực, từ đó góp phần xây dựng ý thức pháp luật xã hội, ý thức pháp luật nhóm và ý thức pháp luật cá nhân với tư cách là một trong những mục tiêu của pháp luật¹⁷. Đứng trước một tình huống có tính chất pháp lý, ý thức pháp luật của mỗi con người sẽ thực hiện các chức năng nhận thức, đánh giá và điều chỉnh¹⁸. Như vậy, cần phải phân tích thấu đáo cơ chế tâm lý tự ý thức của người phạm tội với tư cách là một tác động xã hội của hình phạt. Cơ chế tâm lý khi tiếp nhận sự tác động từ hình phạt ở người bị kết án được diễn ra như sau: (i) Tự nhận thức đúng đắn về hình phạt được tuyên đối với mình; (ii) Tự đánh giá các tác động của hình phạt lên bản thân mình; (iii) Tự điều chỉnh để chấp hành hình phạt một cách tích cực, tự giác, chủ động theo những chuẩn mực nhất định.

Người bị kết án nhận thức đúng đắn về hình phạt được áp dụng cho mình là khởi đầu cho quá trình tiếp nhận có hiệu quả sự tác động của chế tài này. Nhận thức một cách đúng đắn bao gồm nhận thức được tính chính đáng và tính hợp lý của hình phạt được tuyên đối với mình. Tính chính đáng thể hiện ở chỗ hình phạt là trách nhiệm pháp lý phát sinh từ hành vi vi phạm pháp luật mà họ đã thực hiện. Tính chính đáng còn được thể hiện ở

chỗ hình phạt là biện pháp tự vệ của xã hội¹⁹ chứ không phải là sự trả thù từ cá nhân, hay Nhà nước thay mặt nạn nhân để trả thù. Tính hợp lý ở chỗ hình phạt được tuyên đã cá thể hóa phù hợp, phản ánh đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, và được áp dụng theo một trình tự thủ tục tố tụng hình sự khách quan, công bằng. Hình phạt được tuyên trong bản án còn phải truyền tải những thông tin mang tính giá trị xã hội, các chuẩn mực pháp luật, chuẩn mực xã hội²⁰ tích cực, góp phần nâng cao nhận thức của người phạm tội, và củng cố thái độ tích cực khi chấp hành án. Nói cách khác, hình phạt được quyết định bởi Hội đồng xét xử đúng nguyên tắc, đúng căn cứ pháp lý, cá thể hóa phù hợp, được giải thích cặn kẽ sẽ củng cố cho việc nhận thức một cách đúng đắn của người bị kết án đối với hình phạt được áp dụng lên mình. Cần lưu ý rằng, việc gia tăng nhận thức đúng đắn của người bị kết án về hành vi và hậu quả mà họ đã gây ra, về hình phạt đã được Tòa án tuyên có ý nghĩa rất lớn trong quá trình tiếp nhận hình phạt này khi chấp hành án.

Người bị kết án tự đánh giá sự tác động của hình phạt trong quá trình chấp hành án. Tự đánh giá ở đây thông qua sự cảm nhận và được quyết định rất lớn bởi độ sâu sự cảm nhận về tác động của hình phạt trong quá trình chấp hành án. Đứng từ phương diện tự cảm nhận/tự đánh giá sự tác động của hình phạt, có những nhóm người bị kết án diễn hình như sau²¹: (i) Người đã nhận thức đúng đắn về hành vi và hậu quả

¹⁶ Trần Ninh Giang, “Vấn đề ý thức và tự ý thức trong tâm lý học”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 2/2005, tr. 41.

¹⁷ Võ Khánh Vinh, *Xã hội học pháp luật: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2023, tr. 696.

¹⁸ Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2016, tr. 258-261.

¹⁹ C.Mác đã khẳng định: “Hình phạt chẳng qua là thủ đoạn tự vệ xã hội đối với những hành vi xâm phạm những điều kiện tồn tại của xã hội đó”. C.Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 531.

²⁰ Võ Khánh Linh, “Bản chất xã hội của hình phạt: Một số vấn đề lý luận”, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, số 6 (37)/2016, tr. 40-49.

²¹ Nguyễn Hữu Toàn (2014), *Tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội, tr. 50-55.

mà họ đã gây ra, do đó họ nhận thấy hình phạt được tuyên và đang chấp hành là thỏa đáng; (ii) Người cho rằng mình bị kết án oan, sai, hình phạt hiện tại là quá nặng và/hoặc không công bằng giữa các đồng phạm, với những phạm nhân mà họ biết trong quá trình chấp hành án²²; (iii) Người luôn có thái độ tiêu cực, chống đối quá trình chấp hành án, bất kể bản án đã tuyên có phù hợp hay không. Mỗi nhóm người khác nhau, cùng các yếu tố, đặc điểm xã hội thuộc về nhân thân²³ khác nhau sẽ dẫn tới độ sâu sự cảm nhận khác nhau trong quá trình chấp hành án. Tuy vậy, không hẳn người bị kết án nhận thấy hình phạt họ đang phải chấp hành là thỏa đáng thì chắc chắn họ sẽ hình thành ý thức tự cải tạo và điều chỉnh hành vi phù hợp. Ngược lại, không phải trường hợp nào người bị kết án cảm thấy hình phạt được tuyên là bất công thì sẽ không có thái độ ăn năn, hối cải, tự cải tạo. Điều này được quyết định rất lớn bởi việc phân hóa và cá thể hóa hợp lý nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của Tòa án (cá thể hóa các biện pháp thi hành án hình sự) cũng như việc tổ chức các biện pháp này phải có tính chất giáo dục, hướng thiện, tạo điều kiện, cơ hội để họ tích cực tự cải tạo.

Người bị kết án tích cực chấp hành án, thể hiện sự ăn năn, hối cải và kích thích quá trình tự giáo dục, tự cải tạo. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của thi hành án hình sự là cải tạo, giáo dục người bị kết án để không phạm tội mới và trở thành người có ích cho xã hội, hay nói cách khác là trả về cuộc sống những người đã từng phạm tội sau khi họ đã trở lại thành người tốt và tạo cho họ những điều

kiện cần thiết để bắt nhịp lại với cuộc sống thường nhật. Vì vậy, triển khai thi hành án hình sự, cụ thể là tổ chức triển khai chế tài hình sự bằng các biện pháp cụ thể, cần bảo đảm kết hợp hài hòa giữa trừng trị và giáo dục, cải tạo; đồng thời khuyến khích người chấp hành án ăn năn hối cải, tích cực học tập, lao động cải tạo²⁴. Người bị kết án là trung tâm của thi hành án hình sự; do đó, mục đích của hình phạt chỉ có thể đạt được khi các biện pháp thi hành án hình sự có tác động và làm chuyển biến tích cực về thái độ, hành vi của họ. Điều này đòi hỏi quá trình thi hành án hình sự phải đưa ra được mô hình kết hợp/lồng ghép phù hợp giữa các biện pháp giáo dục, cải tạo và cưỡng chế nhằm kích thích sự tự nguyện thi hành án, tự giáo dục, tự cải tạo chính mình ở người bị kết án. Trong xu hướng nhân đạo hóa tư pháp hình sự nói chung và hình phạt nói riêng, rõ ràng liều lượng của các biện pháp giáo dục, cải tạo luôn phải được ưu tiên tối đa. Tuy vậy, không đồng nghĩa với việc đánh mất các biện pháp cưỡng chế, bởi liều lượng cưỡng chế cần thiết có ý nghĩa thiết lập những chuẩn mực trật tự, hành chính – tư pháp cụ thể trong thi hành án hình sự, mà điều này cũng có ý nghĩa giáo dục, cải tạo một cách nghiêm khắc đối với người bị kết án. Có thể lấy ví dụ về các nội quy của cơ sở giam giữ và quy định hành vi bị cấm là điển hình của các biện pháp cưỡng chế được cho là cần thiết²⁵.

Đứng từ phương diện pháp lý, tác động của hình phạt lên người bị kết án là hoạt động chấp hành án của người đó. Nhưng tiếp cận về phương diện xã hội, việc tuyên và thi hành án (theo nghĩa hẹp là chấp hành hình phạt) của người bị kết án là một trong những hoạt động xã hội hóa cá nhân đặc

²² Đánh giá này có thể xuất phát từ bản án oan, sai, hình phạt chưa phù hợp hoặc do nhận định chủ quan của họ.

²³ Thuật ngữ “nhân thân” ở đây được sử dụng với tư cách là nghĩa rộng, bao gồm sự tích lũy, thu thập về thế giới quan của con người trong cuộc sống hình thành ở mỗi cá nhân những địa vị, đặc điểm, bản chất xã hội khác nhau, khiến họ trở thành những cá thể mang bản sắc riêng, dẫn tới độ sâu sự cảm nhận về từng loại hình phạt là một biến số phức tạp.

²⁴ Võ Khánh Vinh, Cao Thị Oanh, *Luật thi hành án hình sự (Giáo trình sau đại học)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 19-31.

²⁵ Thông tư số 17/2020/TT-BCA ngày 18/02/2020 của Bộ Công an ban hành về nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân.

thù, dành riêng cho những người được coi là tội phạm.

Kết luận

So sánh BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có thể thấy, mục đích của hình phạt vẫn giữ nguyên những nội hàm của quy định, chỉ có sự thay đổi về câu chữ không đáng kể. Điều này không có nghĩa rằng nhận thức khoa học và thực tiễn về mục đích của hình phạt không có thay đổi và tương lai không cần thay đổi. Với sự phát triển của khoa học tư pháp hình sự nước nhà, nhiều cách tiếp cận về hình phạt đã được thừa nhận, trong đó có cách tiếp cận từ phương diện xã hội đã cung cấp những góc nhìn khác nhau và làm sâu sắc hơn tri thức hiểu biết về mục đích của hình phạt²⁶. Nghiên cứu này cho rằng, cần thừa nhận một cách rộng rãi và ghi nhận một vị trí quan trọng trong khoa học đối với cách tiếp cận hình phạt từ phương diện xã hội, bên cạnh phương pháp nghiên cứu luật thực định. Cách tiếp cận xã hội học, hay xã hội học hình phạt, giúp cung cấp những phân tích, đánh giá khả năng tác động, mức độ đạt được mục tiêu/mục đích của hệ thống hình phạt trong thực tế, từ đó có căn cứ xem xét điều chỉnh quy định về hình phạt và các chính sách hình phạt phù hợp với những xu hướng phát triển của tư pháp hình sự đương đại. Cùng với đó, các nghiên cứu về hình phạt nên mở rộng góc nhìn về toàn bộ quá trình của chế tài này, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến quá trình thi hành./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ninh Giang, “Vấn đề ý thức và tự ý thức trong tâm lý học”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 2/2005, tr. 40-44, 48;

²⁶ Lý thuyết “Xã hội học hình phạt” được thừa nhận là một trong những lý thuyết liên ngành có ý nghĩa trong nghiên cứu và là xu hướng phát triển của khoa học tư pháp hình sự ở Việt Nam. Xem: Trịnh Tiến Việt, “Những định hướng nghiên cứu mới của luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn tới (kỳ 1)”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 1/2024, tr. 10.

2. Nguyễn Mạnh Kháng, “Quan điểm tiếp cận hiệu quả của hình phạt”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 8/2002, tr. 44-51;

3. Trương Ngọc Kiện, Hoàng Thị Hoa, Trương Thị Thu Hằng, “Một số vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thi hành án treo”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học xã hội và Nhân văn*, tập 132, số 6C/2023, tr. 5-17;

4. Võ Khánh Linh, “Bản chất xã hội của hình phạt: Một số vấn đề lý luận”, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, số 6 (37)/2016, tr. 40-49;

5. Võ Khánh Linh, “Chức năng xã hội của hình phạt”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 11 (296)/2016, tr. 8-13;

6. Võ Khánh Linh (2017), *Xã hội học hình phạt: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội;

7. Lê Thị Sơn, “Về khái niệm kiểm soát xã hội và kiểm soát tội phạm”, *Tạp chí Luật học*, số 8/2012;

8. Phạm Văn Tĩnh, “Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 3/2014;

9. Nguyễn Hữu Toàn (2014), *Tự ý thức về hành vi phạm tội và hành vi chấp hành hình phạt tù của phạm nhân*, Luận án tiến sĩ tâm lý học, Học viện Khoa học xã hội;

10. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007;

11. Trịnh Tiến Việt, “Chủ thể, phương thức và phương tiện kiểm soát xã hội đối với tội phạm”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học*, tập 30, số 1/2014, tr. 31-43;

12. Trịnh Tiến Việt, *Lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và ứng dụng ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016;

13. Trịnh Tiến Việt, “Những định hướng nghiên cứu mới của luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn tới (kỳ 1)”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, số 1/2024, tr. 3-12;

14. Võ Khánh Vinh, *Giáo trình nhập môn Xã hội học pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003;

15. Võ Khánh Vinh, Cao Thị Oanh, *Luật thi hành án hình sự (Giáo trình sau đại học)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013;

16. Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014;

17. Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2016;

18. Võ Khánh Vinh, *Xã hội học pháp luật: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2023.